TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thanh Vân**

2. Ông **Đoàn Văn Rỹ**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trần Ngọc Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Thanh Nhàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 763/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/219/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trịnh Minh Ng** sinh năm 1960

2. Bị đơn: Bà **Vũ Thị Ánh H**, sinh năm 1962

Cùng cư trú: 56/22 Đường số 41, Phường Q, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Trịnh Minh Ng trình bày: ông và bà Vũ Thị Ánh H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/3/1990. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 do bà H có tật ham mê cờ bạc gây nợ cho gia đình, ông Ng đã nhiều lần thay bà H trả nợ; ông Ng cũng đã nhiều lần khuyên bà H thay đổi nhưng không có kết quả; gây ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân rất trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung.

Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên ông Ng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung tên Trịnh Vũ Ánh Nh, sinh ngày 17/4/1993, hiện đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ng xác định ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của ông Ng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà H.

Tại phiên tòa,

Ông Trịnh Minh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Vũ Thị Ánh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án, tuy nhiên cần đảm bảo về thời hạn tố tụng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trịnh Minh Ng và bà Vũ Thị Ánh H có đăng ký kết hôn, ông Ng yêu cầu ly hôn với bà H, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là bà Vũ Thị Ánh H đang cư trú tại Quận 8 (Theo kết quả xác minh của Công an Phường Q, Quận H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Vũ Thị Ánh H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, Quyển số 01.90 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/1990, cùng lời khai của ông Ng về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Ng và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Ng: Trong thời gian chung sống, bà H ham mê cờ bạc, nhiều lần mượn nợ và ông Ng cùng gia đình đã trả nợ thay cho bà H. Ông Ng đã khuyên can bà H thay đổi nhưng không có kết quả mà tình trạng mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng hơn. Ông Ng xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với bà H. Hơn nữa, theo lời khai của cháu Trịnh Vũ Ánh Nh sinh năm 1993 (là con ruột của bà H và ông Ng) cũng xác nhận bà H ham mê cơ bạc, gây nợ cho gia đình; mâu thuẫn giữa ông Ng và bà H đã xảy ra nhiều năm, bà H không bỏ được tật cờ bạc nên dẫn đến việc ông Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Ông Ng và bà H đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập bà H đến Tòa để trình bày ý kiến tự khai, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Điều này cho thấy bà H đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hòa giải hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông Ng và bà H có 01 con chung tên Trịnh Vũ Ánh Nh, sinh ngày 17/4/1993, hiện đã thành niên.

Do con chung đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ng xác định ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Ng phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh Ng về việc xin ly hôn với bà Vũ Thị Ánh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Minh Ng được ly hôn với bà Vũ Thị Ánh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 21, Quyển số 01.90 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/1990).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Vũ Ánh Nh, sinh ngày 17/4/1993 (đã thành niên).

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Trịnh Minh Ng phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Ng đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018026 ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Minh Ng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Vũ Thị Ánh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND P.7, Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga